

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên của cơ sở giáo dục năm học 2021-2022 và công tác Thu - Chi tài chính năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo của trường THPT Tự Lập.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TỰ LẬP

Căn cứ Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ vào tình hình thực tế về chất lượng giáo dục, về cơ sở vật chất, về đội ngũ nhà giáo, cán bộ QL, nhân viên của trường THPT Tự Lập,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công khai cam kết chất lượng giáo dục, công khai thông tin chất lượng giáo dục, công khai thông tin về cơ sở vật chất, công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ QL, nhân viên năm học 2021-2022, công khai về công tác Thu - Chi tài chính năm học 2021-2022, và các năm tiếp theo (Kèm theo biểu mẫu 09, biểu mẫu 10, biểu mẫu 11, biểu mẫu 12 và biểu thu chi tài chính)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3: Lãnh đạo trường THPT Tự Lập, Chủ tịch công đoàn, Đoàn Thanh niên, các tổ chuyên môn, bộ phận tài vụ, các phòng chức năng và toàn thể cán bộ viên chức nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để theo dõi);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Chu Thị Thanh Thủy

CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

Đối với các cơ sở giáo dục công lập

1- Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện công khai theo Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Năm học 2021 - 2022 trường THPT Tự Lập đã thực hiện công khai thu chi tài chính gồm các nội dung sau:

- Công khai thu học phí và các khoản thu khác năm học 2021 - 2022(*kèm theo biên bản phối hợp giữa CMHS các lớp với nhà trường ngày 12 tháng 9 năm 2021*)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 3, 9 tháng đầu năm 2021(*Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường*)
- Công khai thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập kỳ I năm học 2021 - 2022 (*dán tại phòng hội đồng nhà trường*)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4 năm 2021
(*Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường*)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2021 (*công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường*)
- Công khai dự toán ngân sách năm 2022 (*công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường*)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 1 năm 2022
(*công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường*)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 2, 6 tháng đầu năm năm 2022(*công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường*)
- Công khai thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập kỳ II năm học 2021 - 2022 (*dán tại phòng hội đồng nhà trường*)
- Công khai dự toán ngân sách bổ sung năm 2021
(*công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường*)

2- Công khai dự kiến thu học phí và các khoản thu khác năm học 2020-2021;

a- Thu theo quy định

*** Học phí:**

- Mức thu: Thực hiện theo Nghị quyết 05/2021/NQ- HĐND ngày 23/09/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính Phủ.

*** BHYT:** Thực hiện thu theo văn bản quy định.

+ Khối 10, khối 11 thu: 12 tháng

+ Khối 12 thu: 9 tháng

b -Thu thỏa thuận

*** Tiền học thêm:** Không tổ chức dạy do dịch covid 19

*** Tiền nước uống:** Thu 12.000đ/hs (thu theo số tháng học tại trường) theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

c- Thu khác

*** Bảo hiểm thân thể:**

Cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự nguyện chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với từng học sinh.

*** Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:** Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011.

- Thu theo tinh thần cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp.

4- Dự kiến mức thu học phí và các khoản thu khác của 2 năm tiếp theo(năm học 2022-2023, năm học 2023-2024)

a- Thu theo quy định

*** Học phí**

- Mức thu: thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính Phủ.

*** BHYT:** Thực hiện thu theo văn bản quy định.

+ Khối 10, khối 11 thu: 12 tháng

+ Khối 12 thu: 9 tháng

b- Thu thỏa thuận

* **Tiền học thêm:** Thu 8000đ/hs/1tiết dạy đối với lớp từ 30 đến dưới 40 học sinh (theo quyết định 22/2012/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

* **Tiền nước uống:** Thu 12.000đ/hs (thu 9 tháng) theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội

c- Thu khác

* **Bảo hiểm thân thể:**

Cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự nguyện chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với từng học sinh.

* **Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:** Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011.

- Thu theo tinh thần tự nguyện, cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp.

5 - Các khoản chi năm học 2021 - 2022:

Chi lương, BHXH : 5.224.452.000đ

Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: 1.988.112.000đ

Chi thu nhập hàng tháng của giáo viên, cán bộ quản lý:

+ Cán bộ quản lý: mức thu nhập bình quân: 12.717.000 đ/tháng, mức cao nhất: 13.672.000 đ /tháng, mức thấp nhất: 11.989.000 đ/tháng.

+ Giáo viên và nhân viên: mức thu nhập bình quân: 6.643.000đ/tháng, mức cao nhất: 10.999.900/ tháng, mức thấp nhất: 1.333.600đ/tháng.

Mức chi thường xuyên/1 học sinh: 7.300.000đ/hs/năm

Mua sắm, sửa chữa năm học 2021-2022: 54.717.000/năm

6 - Chính sách và kết quả thực hiện chính sách. Hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho học sinh đúng đối tượng chính sách :

* **Học kỳ 1 năm học 2021-2022**

+ Về hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh: 3 học sinh

+ Về miễn giảm học phí: Thực hiện theo quyết định số 176 / QĐ - THPT TL ngày 22 /12 /2021 của Hiệu trưởng trường THPT Tự Lập, nhà trường đã thực hiện miễn giảm như sau:

- Miễn 100% học phí cho 4 em học sinh. Trong đó:

+ 01 hs con TB,BB

+ 02 hs khuyết tật

+ 01 hs mồ côi

- Giảm 50% học phí cho con thuộc diện hộ cận nghèo: 15 học sinh

*** Học kỳ 2 năm học 2021-2022**

+ Về hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh: 05 học sinh

+ Về miễn giảm học phí : Thực hiện theo quyết định số 68/ QĐ-THPT - TL ngày 18/5/2025 của Hiệu trưởng trường THPT Tự Lập nhà trường đã thực hiện miễn giảm như sau:

- Miễn 100% học phí cho 6 em học sinh. Trong đó:

+ 01 hs con TB,BB

+ 02 hs khuyết tật

+ 01 hs mồ côi

+ 02 hs hộ nghèo

- Giảm 50% học phí cho con thuộc diện hộ cận nghèo: 10 học sinh

7 - Kết quả kiểm toán (nếu có): Không

Mê Linh, ngày 10 tháng 7 năm 2022

Hiệu trưởng



Chu Thị Thanh Thủy



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH QUÍ II NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/ 2018/ TT- BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THPT Tự Lập công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý II năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện quý II năm 2022	Ước thực hiện dự toán năm(tỉ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2*100/1	4
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8,250,746,000	1,709,425,800	20.72	20.26
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	8,250,746,000	1,709,425,800		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8,000,642,000	1,496,487,700	18.70	20.40
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	250,104,000	212,938,100	85.14	-

Ghi chú: Đã được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường: <http://thpttulap.hanoi.edu.vn>

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2022

Hiệu trưởng

Chu Thị Thanh Thủy

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/ 2018/ TT- BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THPT Tự Lập công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện dự toán năm(tỉ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2*100/1	4
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8,250,746,000	3,366,570,100	40.80	47.92
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	8,250,746,000	3,366,570,100		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8,000,642,000	3,366,570,100	42.08	47.99
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	250,104,000		-	75.98

Ghi chú: Đã được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường: <http://thpttulap.hanoi.edu.vn>

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2022

Hiệu trưởng

Chu Thị Thanh Thủy

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10	
I	Điều kiện tuyển sinh	Tốt	Tốt	Tốt	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Đúng chương trình chuẩn	Đúng chương trình chuẩn	Đúng chương trình chuẩn	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Đảm bảo phục vụ giảng dạy, học tập	Đảm bảo phục vụ dạy, học tập	Đảm bảo phục vụ dạy, học tập	
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tốt	Tốt	Tốt	
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Đạt chuẩn và trên chuẩn	Đạt chuẩn và trên chuẩn	Đạt chuẩn và trên chuẩn	
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt nghiệp trên 99,22%	Lên lớp đạt 100%	Lên lớp đạt 100%	
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Trên 90% tiếp tục học Cao đẳng, Đại học	100% hs tiếp tục học tại trường	100% hs tiếp tục học tại trường	

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Trưởng
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TỰ LẬP
HIỆU TRƯỞNG
Chu Thị Thanh Thủy

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2021 -2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp10	Lớp11	Lớp12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	925	368	301	255	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	825 89,19	333 90,49	254 84,11	235 93,33	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	91 9,84	30 8,15	44 14,57	17 6,67	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	9 0,97	05 1,36	04 1,32	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	925	368	302	255	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	154 16,65	59 16,03	61 20,2	34 13,33	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	673 72,76	268 72,83	195 64,57	210 82,35	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	97 10,49	41 11,14	45 14,9	11 4,31	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,11	0	01 0,33	01 0,45	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	992 99,89	368 100,0	301 99,67	255 100,0	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	154 16,65	59 16,03	60 19,87	34 13,33	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	669 72,32	265 72,01	194 64,24	210 82,35	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	01	0	0	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0/39	2/15	0/24	0	
5	Bị đuổi học		0	0	0	



	(tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	05	03	01	01	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp năm học 2021 - 2022	255			255	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp năm học 2021 - 2022	253			253	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	100%	0	0	100%	
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	444/481	205/158	143/159	132/123	
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0				

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Chu Thị Thanh Thủy



THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2021 - 2022

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	24	
1	Phòng học kiên cố	24	1.44m ² /hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	7	1.59m ² /hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	1	1 lớp/ phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	35	35 học sinh/ lớp
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	28.000	35,7
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	7.000	8,9
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.296	1,65
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	490	0,62
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	71	0,09
3	Diện tích thư viện (m ²)	95	0,121
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	10	1.5 bộ/lớp
2	Khối lớp 11	10	1.25 bộ/lớp
3	Khối lớp 12	8	1.25 bộ/lớp
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
5			
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	học sinh/bộ 0.06

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
-----------	--------------------------------------	-------------	-----------------



THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCC N	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	59	54	5							
I	Giáo viên	47	47	0							
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	8	8		0	5	3				
2	Lý	3	3		0	2	1				
3	Hóa	5	5		0	3	2				
4	Văn	9	9		0	8	1				
5	Sử	2	2		0		2				
6	Địa	2	2		0	1	1				
7	Tin	2	2		0		2				
8	Ngoại ngữ	5	5		0		5				
9	Thể dục	2	2		0		2				
10	GDQP	1	1		0	0	1				
11	Sinh	2	2		0	0	2				
12	KTNN	2	2		0	1	1				
13	KTCN	1	1		0	1	0				
14	GDCD	2	2		0	0	2				
II	Cán bộ quản lý	2	2	0	0	3	0	0	0	0	
1	Hiệu trưởng				0	1	0	0	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	2	2		0	2	0	0	0	0	



III	Nhân viên	10	10	5	0	0	3	0	2	5	
1	Nhân viên văn thư	1	1				1				
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ	0	0								
4	Nhân viên y tế	1	1						1		
5	Nhân viên thư viện	1	1						1		
6	Nhân viên TB, TN	1	1				1				
7	Nhân viên tạp vụ	1		1						1	
8	Nhân viên bảo vệ	4		4						4	

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Chu Thị Thanh Thủy

